

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/DS-PT
Ngày 13 - 6 - 2022
V/v: “TC HĐ chuyển nhượng
quyền sử dụng đất và HĐ vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Ông Nguyễn Đình Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Kiều Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2022/QĐPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cao Thị Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 251B/2, ấp L, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Vương Q

Địa chỉ: ấp 1, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (được nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng theo văn bản ngày 07/11/2019). Có mặt.

- Bị đơn: 1. Huỳnh Văn C, sinh năm 1952

2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Huỳnh Văn C theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2022. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Huỳnh Văn Ca: Ông Nguyễn Xuân M- Luật sư của Văn phòng Luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Huỳnh Văn C, sinh năm 1974
2. Huỳnh Văn T, sinh năm 1976
3. Huỳnh Văn D, sinh năm 1979
4. Huỳnh Thị Phương T, sinh năm 1985
5. Huỳnh Văn Th, sinh năm 1987
6. Huỳnh Văn Th1, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Cùng vắng mặt.

7. Huỳnh Văn T1, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

8. Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T2

Địa chỉ: Số 27, đường N, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Trương Vương Q, là đại diện hợp pháp của nguyên đơn; Huỳnh Văn C và Nguyễn Thị L, là đồng bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Nguyên đơn là bà Cao Thị Đ và đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trương Vương Q thống nhất trình bày:

Vào năm 2017, nguyên đơn có nhận chuyển nhượng của các bị đơn là ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị L phần đất có diện tích là 39.781m² tại các thửa 08, 10 và 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00396, do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Huỳnh Văn C ngày 12 tháng 3 năm 2003, giá chuyển nhượng là 800.000.000 đồng, có lập hợp đồng và được công chứng ngày 09 tháng 02 năm 2017. Nguyên đơn đã trả cho các bị đơn số tiền là 590.000.000 đồng, số tiền còn lại thỏa thuận sẽ giao đủ khi các bên làm thủ tục sang tên phần đất đã chuyển nhượng. Tuy nhiên, cho đến nay các bị đơn chưa làm thủ tục sang tên và giao đất cho nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09 tháng 02 năm 2017 giữa nguyên đơn và các bị đơn; buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 590.000.000 đồng và lãi suất là 20%/năm kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

- Các bị đơn là ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày:

Thừa nhận có nhận của nguyên đơn số tiền tổng cộng là 590.000.000 đồng, được nguyên đơn giao tiền 03 lần, cụ thể: Ngày 27 tháng 12 năm 2016 giao 80.000.000 đồng, ngày 08 tháng 02 năm 2017 giao 500.000.000 đồng, sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, nguyên đơn giao thêm 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bị đơn cho rằng số tiền đã nhận của nguyên đơn là do các bị đơn vay nhằm trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do nguyên đơn tự ý lập hợp đồng chuyển nhượng và kêu các bị đơn ký mà các bị đơn không biết nội dung.

Các bị đơn thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09 tháng 02 năm 2017; đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền là 590.000.000 đồng; không đồng ý trả lãi suất do nguyên đơn không thực hiện đúng cam kết là cho các bị đơn vay 800.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T2 trình bày:

Việc Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T2 thụ lý hồ sơ và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09 tháng 02 năm 2017 giữa nguyên đơn và các bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Đối với việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn không liên quan đến Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T2 nên không có ý kiến và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn D, Huỳnh Thị Phương T, Huỳnh Văn Th, Huỳnh Văn Th1 và Huỳnh Văn T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Đ đối với bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L.

2. Tuyên bố hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09 tháng 02 năm 2017 có công chứng của Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T1, số 196, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 02 năm 2017. Các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng chuyển nhượng bị hủy nên không xem xét.

3. Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Cao Thị Đ số tiền 846.972.222 đồng. Trong đó, tiền vốn là 580.000.000 đồng, tiền lãi là 256.972.222 đồng và tiền mượn 10.000.000 đồng.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 37.409.167 đồng.

- Nguyên đơn bà Cao Thị Đ được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trương Vương Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm tính lãi suất là 20%/năm.

Cùng ngày 25 tháng 01 năm 2022, các bị đơn là ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn và yêu cầu miễn án phí cho các bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn và các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn cho rằng: Mục đích các bị đơn vay tiền của nguyên đơn là để cải tạo đất canh tác, nhưng nguyên đơn không thực hiện theo thỏa thuận là cho các bị đơn vay 800.000.000 đồng, mà chỉ cho vay 590.000.000 đồng, dẫn đến các bị đơn không đủ tiền đầu tư cải tạo đất gây thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không buộc các bị đơn trả lãi cho nguyên đơn. Đối với kháng cáo về án phí: Các bị đơn là người cao tuổi, thuộc diện được miễn án phí theo quy định của pháp luật, đồng thời sau khi xét xử sơ thẩm, các bị đơn đã có đơn xin miễn án phí nên đề nghị xem xét miễn toàn bộ án phí cho các bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, đề nghị:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng miễn toàn bộ án phí cho các bị đơn và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nguyên đơn giao trả cho các bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00396, do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Huỳnh Văn C ngày 12 tháng 3 năm 2003.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo Giấy ủy quyền ngày 07 tháng 11 năm 2019, phạm vi ủy quyền của nguyên đơn cho người đại diện hợp pháp bao gồm cả quyền kháng cáo nên việc đại diện hợp pháp của nguyên đơn làm đơn kháng cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Xét đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng như đơn kháng cáo của các bị đơn là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự về chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay tài sản, các bị đơn cùng cư trú tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nên cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với khoản tiền 10.000.000 đồng nguyên đơn giao cho các bị đơn sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng là khoản tiền vay không có lãi, cấp sơ thẩm cho rằng đây là quan hệ mượn tài sản để xác định 03 quan hệ tranh chấp là: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản là không đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản.

[3] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09 tháng 02 năm 2017 được các bên thừa nhận là hợp đồng giả cách nhằm đảm bảo khoản vay mà các bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền là 590.000.000 đồng. Sau khi lập hợp đồng chuyển nhượng, các bị đơn chưa giao đất cho nguyên đơn, các đương sự cùng có yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng mà không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng nên cấp sơ thẩm hủy hợp đồng chuyển nhượng và không xem xét hậu quả của hợp đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận về việc nguyên đơn giao trả cho các bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00396, do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Huỳnh Văn Ca ngày 12 tháng 3 năm 2003. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy tay lập ngày 08 tháng 02 năm 2017 thể hiện các bị đơn có nhận của nguyên đơn số tiền là 580.000.000 đồng và thỏa thuận “Sáu tháng lãi bằng lãi ngân hàng” mà không xác định rõ lãi suất cụ thể. Căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận

về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định thỏa thuận giữa các đương sự không xác định rõ lãi suất để áp dụng mức lãi suất là 10%/năm trên số nợ gốc 580.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với khoản vay 10.000.000 đồng sau khi lập hợp đồng chuyển nhượng là khoản vay không có lãi nên cấp sơ thẩm buộc các bị đơn trả nợ gốc mà không buộc trả lãi là phù hợp. Do đó, kháng cáo của đại diện hợp pháp của nguyên đơn, yêu cầu áp dụng mức lãi suất 20%/năm là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì bên vay có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến thời hạn chưa trả; theo thỏa thuận của các đương sự tại Giấy tay lập ngày 08 tháng 02 năm 2017 có thỏa thuận sau sáu tháng trả lãi bằng lãi ngân hàng nên cấp sơ thẩm buộc các bị đơn trả lãi kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2017 (sau sáu tháng kể từ thời điểm lập hợp đồng) với mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Việc các bị đơn không đồng ý trả lãi với lý do phía nguyên đơn không thực hiện đúng cam kết là cho các bị đơn vay 800.000.000 đồng mà chỉ cho vay 580.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ việc nguyên đơn cho các bị đơn vay bao nhiêu là quyền của nguyên đơn, không phải là nghĩa vụ, đồng thời nghĩa vụ của các bị đơn là trả lãi trên số nợ gốc đã vay theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của các bị đơn không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5.2] Đối với kháng cáo về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Tuy các bị đơn là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Nhưng quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, các bị đơn không làm đơn đề nghị miễn án phí theo quy định của pháp luật, nên cấp sơ thẩm không xem xét miễn án phí cho các bị đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, các bị đơn kháng cáo và có đơn xin miễn án phí đúng quy định nên cần chấp nhận kháng cáo xin miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của các bị đơn.

[6] Từ những phân tích trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn và các bị đơn đều thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên được xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 422, 423, 427, 463, 466, 468 và 500 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp của nguyên đơn Cao Thị Đoàn; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn Huỳnh Văn C và Nguyễn Thị L. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Thị Đ.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09 tháng 02 năm 2017 giữa bà Cao Thị Đ với ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị L được công chứng theo số 196, tại quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nguyên đơn Cao Thị Đ giao trả cho các bị đơn Huỳnh Văn C và Nguyễn Thị L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00396, do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Huỳnh Văn C ngày 12 tháng 3 năm 2003.

Buộc các bị đơn là ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là bà Cao Thị Đ số tiền là 846.972.222 đồng (tám trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc là 590.000.000 đồng, nợ lãi là 256.972.222 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn Cao Thị Đ và các bị đơn Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hữu Thắng